

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2024/HNGĐ - ST

Ngày 02/8/2024

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn
và nợ chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Triệu Thị Yên.
2. Bà Trần Thị Hương.

Thư ký Tòa án: Bà Đồng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và nợ chung”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn AP, xã TA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh Ma Phúc C1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn AP, xã TA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt không lý do).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng A, địa chỉ: Tổ VT, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang,

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích H, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách điều hành;

Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Thị H1, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2024, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2007 ngày 27 tháng 11 năm 2007. Sau khi kết hôn chị C và anh C1 chung sống cùng với bố mẹ đẻ của chị C tại thôn AP, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (anh C1 đi ở rể). Đến năm 2011, bố mẹ đẻ của chị C cho hai vợ chồng chị C và anh C1 dọn ra ở riêng để làm kinh tế. Bố mẹ đẻ chị C đã dỡ căn nhà bếp của gia đình để làm nhà ở cho hai vợ chồng chị C anh C1. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị C xác định là do anh C1 không biết quan tâm vợ con, không chia sẻ các công việc trong gia đình, không quan tâm chăm sóc con cái, hay chơi bời, lô đề, cờ bạc... Giữa chị C và anh C1 đã hòa giải và được gia đình khuyên bảo nhưng anh C1 không thay đổi. Nhiều lần xảy ra mâu thuẫn anh C1 còn chửi mắng, đánh đập chị C. Chị C xác định ngày 8/3/2024, chị bị anh C1 chửi mắng và đuổi ra khỏi nhà, sau đó chị C có gọi thôn bản đến để hòa giải nhưng không thành, chị C và anh C1 đã sống ly thân, chị C xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C1 không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Phúc C1.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 có hai con chung là Hà Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2011 và Hà Phúc M, sinh ngày 21/8/2014. Sau khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Ma Phúc C1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 có vay nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn*). Nay ly hôn chị C nhận có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản vay kèm lãi suất, anh C1 phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ còn lại cho Ngân hàng.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ma Phúc C1 nêu quan điểm:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Phúc C1 và chị Hà Thị C qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2007 ngày 27 tháng 11 năm 2007. Sau khi kết hôn anh C1 và chị C chung sống cùng với bố mẹ đẻ của chị C tại thôn AP, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (anh C1 đi ở rể). Đến năm 2011, bố mẹ đẻ của chị C cho hai vợ chồng anh C1 và chị C dọn ra ở riêng để làm kinh tế. Bố mẹ đẻ chị C đã dỡ căn nhà bếp của gia đình

để làm nhà ở cho hai vợ chồng anh C1 và chị C. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh C1 xác định là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh C1 thừa nhận thỉnh thoảng có hay cãi nhau với chị C và thỉnh thoảng có được chơi lô đề, cờ bạc, rượu chè giao lưu với bạn. Anh C1 cũng xác nhận vào ngày 08/3/2024 (theo lời chị C nói anh C1 chửi mắng, đuổi vợ ra khỏi nhà) anh C1 thừa nhận là có được nói, nhưng do thời điểm đó vì bức tức trong người nên anh C1 mới xử sự như vậy, anh C1 không có ý định đuổi chị C ra khỏi nhà. Sau đó thôn bản có tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng nhưng không thành. Anh C1 và chị C hiện đã sống ly thân, nhưng vẫn quan tâm, chăm sóc đến con cái. Anh C1 xác định tình cảm vợ chồng giữa anh C1 và chị C vẫn còn, anh C1 có nguyện vọng được đoàn tụ. Nay chị C yêu cầu ly hôn anh C1 tại Tòa án, anh C1 không nhất trí ly hôn với chị Hà Thị C.

- Về con chung: Anh C1 và chị C có hai con chung là Hà Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2011 và Hà Phúc M, sinh ngày 21/8/2014. Trong trường hợp phải ly hôn thì con ở với ai thì theo nguyện vọng của các cháu.

- Về tài sản chung: Anh Ma Phúc C1 và chị Hà Thị C tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Ma Phúc C1 và chị Hà Thị C có vay nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn*). Anh C1 là người đứng tên vay, chị C là người ủy quyền khoản vay. Nay ly hôn anh C1 nhận có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản vay kèm lãi suất, chị C phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ còn lại cho Ngân hàng A.

* Tại bản tự khai và quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A do bà Phạm Thị H1 làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 23/02/2024 anh Ma Phúc C1 và chị Hà Thị C có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A, tỉnh Tuyên Quang theo hợp đồng tín dụng số 8104LAV2023 00989 ngày 14/3/2023 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 443/HĐBSSĐ ký ngày 23/02/2024, anh C1 là người đứng tên người vay trong hợp đồng, chị C là người ủy quyền vay tiền, số tiền vay gốc là 45.000.000^d (*Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn*), mục đích sử dụng là Mua trâu vỗ béo, thời hạn vay là 12 tháng, hạn cuối cùng trả khoản vay là ngày 23/02/2025. Nay chị C và anh C1 ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh C1 và chị C thanh toán số nợ như trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do khoản vay chưa đến hạn thanh toán nên nhất trí cho anh C1 và chị C tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và có trách nhiệm thanh toán số tiền trên theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết; chia ra: Anh C1 có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc là 22.500.000^d kèm lãi suất phát sinh cho Ngân hàng. Chị C có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc là 22.500.000^d kèm lãi suất phát sinh cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý

kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì. Bị đơn anh Ma Phúc C1 vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định), anh C1 không có quan điểm, ý kiến gì thay đổi so với nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 08/5/2024 cháu Hà Phúc M, sinh ngày 21/8/2014 trình bày sau khi chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 ly hôn nguyện vọng mong muốn được bố là anh Ma Phúc C1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 08/5/2024 cháu Hà Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2011 trình bày sau khi chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 ly hôn nguyện vọng mong muốn được mẹ là chị Hà Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 37, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị C, cho chị Hà Thị C được ly hôn anh Ma Phúc C1. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Ma Phúc C1.

Về con chung: Giao cháu Hà Phúc M, sinh ngày 21/8/2014 cho anh Ma Phúc C1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Hà Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2011 cho chị Hà Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ma Phúc C1 và chị Hà Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị C và anh C1 tự thỏa thuận, không đề nghị xem xét.

Về nợ chung: Buộc chị Hà Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc là 22.500.000^d (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) kèm theo lãi suất phát sinh. Buộc anh Ma Phúc C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc là 22.500.000^d (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) kèm theo lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 8104LAV2023

00989 ngày 14/3/2023 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 443/HĐBSSĐ ký ngày 23/02/2024 giữa Ngân hàng A và anh Ma Phúc C1, chị Hà Thị C.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Chị Hà Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Ma Phúc C1; Anh Ma Phúc C1 có hộ khẩu thường trú tại thôn AP, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và nợ chung*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện, bị đơn anh Ma Phúc C1 vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong quá trình giải quyết tại Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị C và anh C1 chung sống tại thôn AP, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, cho đến khoảng vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị C cho rằng anh C1 không biết quan tâm vợ con, không chia sẻ các công việc trong gia đình, không quan tâm chăm sóc con cái, hay chơi bời, lơ đãng, cờ bạc... Nhiều lần xảy ra mâu thuẫn anh C1 còn chửi mắng, đánh đập chị C. Chị C xác định ngày 08/3/2024, chị bị anh C1 chửi mắng và đuổi ra khỏi nhà, sau đó chị C có gọi thôn bản đến để hòa giải nhưng không thành, hiện vợ chồng đã sống ly thân, chị Hà Thị C xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Ma Phúc C1. Anh Ma Phúc C1 xác nhận quá trình kết hôn và chung sống đúng như chị C trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh C1 xác

định là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh C1 thừa nhận thỉnh thoảng có hay cãi nhau với chị C và thỉnh thoảng có được chơi lô đề, cờ bạc, rượu chè giao lưu với bạn. Anh C1 cũng xác nhận vào ngày 08/3/2024 (theo lời chị C nói anh C1 chửi mắng, đuổi vợ ra khỏi nhà) anh C1 thừa nhận là có được nói, nhưng do thời điểm đó vì bức tức trong người nên anh C1 mới xử sự như vậy, anh C1 không có ý định đuổi chị C ra khỏi nhà. Sau đó thôn bản có tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng nhưng không thành. Anh C1 và chị C hiện đã sống ly thân. Nhưng anh C1 vẫn xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, anh C1 không nhất trí ly hôn với chị C.

Qua quá trình xác M tại địa phương Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh C1 là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh C1 thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị C và anh C1 hiện đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa, anh C1 không nhất trí ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn được đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng là không đúng thực tế, việc anh C1 không nhất trí ly hôn và xin đoàn tụ không phải xuất phát từ sự yêu thương thực sự mà chỉ muốn ràng buộc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C xử cho chị C được ly hôn với anh C1; Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh C1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 có 02 con chung là cháu Hà Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2011 và Hà Phúc M, sinh ngày 21/8/2014. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Anh C1 trình bày trường hợp phải ly hôn các con ở với ai theo nguyện vọng của các con. Cháu Hà Thị Mai T có nguyện vọng được ở với mẹ là chị C, cháu Hà Phúc M có nguyện vọng được ở với bố là anh C1 sau khi anh C1 và chị C ly hôn nên để đảm bảo cho quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường của cháu T và cháu M, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử giao cháu Hà Phúc M cho anh Ma Phúc C1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Hà Thị Mai T cho chị Hà Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ngày 23/02/2024 anh Ma Phúc C1 và chị Hà Thị C có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A, tỉnh Tuyên Quang theo hợp đồng tín

dụng số: 8104LAV2023 00989 ngày 14/3/2023 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 443/HĐBSSĐ ký ngày 23/02/2024, anh C1 là người đứng tên người vay trong hợp đồng, chị C là người ủy quyền khoản vay, số tiền vay gốc là 45.000.000^d (Bốn mươi lăm triệu đồng), mục đích sử dụng là Mua trâu vỗ béo, thời hạn vay là 12 tháng, hạn cuối cùng trả khoản vay là ngày 23/02/2025. Quá trình hòa giải tại Tòa án chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 tự nguyện nhận có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền vay kèm theo lãi suất phát sinh của khoản vay cho Ngân hàng A. Đại diện Ngân hàng A cũng nhất trí với ý kiến của anh C1 và chị C. Do vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 37, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc chị Hà Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ là 22.500.000^d (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) nợ gốc kèm theo lãi suất phát sinh. Buộc anh Ma Phúc C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ là 22.500.000^d (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) nợ gốc kèm theo lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 8104LAV2023 00989 ngày 14/3/2023 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 443/HĐBSSĐ ký ngày 23/02/2024. Anh Ma Phúc C1 và chị Hà Thị C có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 8104LAV2023 00989 ngày 14/3/2023 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 443/HĐBSSĐ ký ngày 23/02/2024, hạn trả nợ theo hợp đồng là ngày 23/02/2025.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Hà Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Ma Phúc C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 37, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị C, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Ma Phúc C1, cho chị Hà Thị C được ly hôn anh Ma Phúc C1.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Phúc M, sinh ngày 21/8/2014 cho anh Ma Phúc C1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Hà Thị Mai T, sinh ngày 08/8/2011 cho chị Hà Thị C được quyền trực tiếp nuôi

đường, chăm sóc, giáo dục. Chị Hà Thị C và anh Ma Phúc C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về nợ chung: Buộc chị Hà Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ là 22.500.000^d (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) nợ gốc kèm theo lãi suất phát sinh. Buộc anh Ma Phúc C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ là 22.500.000^d (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) nợ gốc kèm theo lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 8104LAV2023 00989 ngày 14/3/2023 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 443/HĐBSSĐ ký ngày 23/02/2024. Anh Ma Phúc C1 và chị Hà Thị C có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 8104LAV2023 00989 ngày 14/3/2023 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số: 443/HĐBSSĐ ký ngày 23/02/2024, hạn trả nợ theo hợp đồng là ngày 23/02/2025.

4. Về án phí: Chị Hà Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*). Chị C đã nộp 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001185595 ngày 04/5/2024 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001675 ngày 04/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (chị C đã nộp đủ tiền án phí). Anh Ma Phúc C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TA (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh

